

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 228/2023/DS-ST

Ngày: 25 - 7 - 2023

V/v “Tranh chấp
hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Luyến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hạnh;
2. Bà Lê Thị Quỳnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Vũ Thùy Dung – là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023 tại Tòa án nhân dân Quận 7, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 335/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2023/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 136/2023/QĐST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần N; Địa chỉ trụ sở: Số 198 K, phường L, quận H, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan Vũ H, sinh năm 1991 (Có mặt); Địa chỉ liên hệ: Số 23 T, phường T, Quận B, Thành phố H (Theo Giấy ủy quyền số 4727/UQ-VCB-NSG ngày 29/11/2022).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Bảo A, sinh năm 1984; Địa chỉ: 874/28/12 Đ, Phường M, Quận B, Thành phố H (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N tại đơn khởi kiện ngày 21/6/2022, trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án có ông Phan Vũ H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần N (nguyên đơn) có ký kết với ông Nguyễn Bảo A (bị đơn) thỏa thuận sau:

Theo Giấy yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế được Ngân hàng phê duyệt ngày 24/8/2014, bản Các Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng TMCP N, với nội dung: Loại thẻ tín dụng: Vietcombank Visa; hạn mức thẻ tín dụng được cấp ngày 24/8/2014 là: 20.000.000 đồng, đến ngày 03/9/2014 được nâng hạn mức sử dụng là 49.000.000 đồng; phương thức trả nợ: Thu nợ từ tài khoản thanh toán của ông Nguyễn Bảo A, số tài khoản: 0181003427192 tại Vietcombank. Lãi suất thẻ từ ngày cấp thẻ đến nay là 18%/năm, và chịu các phí vượt hạn mức và phí không thanh toán đủ số tiền tối thiểu theo Biểu phí, dịch vụ và lãi suất thẻ tín dụng quốc tế; Mục đích: tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông A đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 151.841.625 đồng, đã thanh toán số tiền 105.465.780 đồng. Tổng tiền lãi trong hạn là 693.216 đồng, tổng số tiền lãi quá hạn là 42.107.341 đồng. Tổng số tiền phí chậm thanh toán là 348.221.655 đồng, tổng số tiền phí vượt hạn mức tín dụng là 111.516.444 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nhắc nợ và yêu cầu ông A trả nợ tiền gốc, lãi và phí thẻ tín dụng nêu trên nhưng ông A vẫn không thanh toán. Tính đến hết ngày 25/7/2023, ông A còn nợ Ngân hàng tổng số tiền gốc, lãi và phí là 946.485.720 đồng, trong đó: số tiền nợ gốc là 46.375.845 đồng, số tiền nợ lãi là 53.252.177 đồng, số tiền phí vượt hạn mức là 223.578.478 đồng và số tiền phí chậm thanh toán là 623.279.220 đồng.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ thẻ tín dụng nêu trên tính đến ngày 25/7/2023 là 946.485.720 đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, kể từ ngày 26/7/2023, ông A còn phải tiếp tục chịu lãi, phí phát sinh cho đến khi ông A trả hết nợ gốc theo lãi suất, phí quy định tại Giấy yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế được Ngân hàng phê duyệt ngày 24/8/2014, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng TMCP N và biểu phí dịch vụ và lãi suất thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng.

Tại phiên tòa:

Ông Phan Vũ H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày thêm: Lý do nguyên đơn lựa chọn Tòa án nhân dân Quận 7 là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vì: hợp đồng tín dụng này có hoạt động giải ngân cấp hạn mức tín dụng tại Chi nhánh Nam Sài Gòn, địa chỉ số 23 T, phường T, Quận B, Thành phố H

nên nguyên đơn lựa chọn Tòa án nhân dân Quận 7 là Tòa án nơi thực hiện hợp đồng có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Đối với yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn xác nhận lại yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn tiền nợ thẻ tín dụng với tổng số tiền tính đến ngày 25/7/2023 là 946.485.720 đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, kể từ ngày 26/7/2023, ông A còn phải tiếp tục chịu lãi, phí phát sinh cho đến khi ông A trả hết nợ gốc theo lãi suất, phí quy định tại giấy Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế được Ngân hàng phê duyệt ngày 24/8/2014, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng TMCP N và biểu phí dịch vụ và lãi suất thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng.

Nguyên đơn xác định chỉ cấp phát hành thẻ tín dụng cho cá nhân ông A nên chỉ khởi kiện yêu cầu cá nhân ông A trả nợ, không yêu cầu đối với ai khác.

Về phía bị đơn ông Nguyễn Bảo A, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 7 đã nhiều lần triệu tập ông A đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện theo đúng quy định pháp luật nhưng ông A không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì, vắng mặt không có lý do, không có văn bản, ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án, tham gia phiên tòa.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Tuy nhiên về thời hạn chuẩn bị xét xử không đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng các quy định chung về phiên tòa sơ thẩm, thủ tục bắt đầu phiên tòa, đảm bảo việc tranh tụng tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người đại diện của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã vi phạm quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ giấy Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế được Ngân hàng phê duyệt ngày 24/8/2014, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng TMCP N thì thỏa thuận

giữa nguyên đơn và bị đơn là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Bảo A thanh toán tiền nợ thẻ tín dụng theo giấy Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế được Ngân hàng phê duyệt ngày 24/8/2014, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng TMCP N. Về án phí: bị đơn ông Nguyễn Bảo A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền còn nợ xuất phát từ Giấy yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế được Ngân hàng phê duyệt ngày 24/8/2014. Đây là “tranh chấp về hợp đồng tín dụng” là loại tranh chấp được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn lựa chọn Tòa án nhân dân Quận 7 là Tòa án nơi hợp đồng thực hiện giải quyết tranh chấp. Hợp đồng tín dụng này có hoạt động giải ngân cấp hạn mức tín dụng tại Chi nhánh Nam Sài Gòn ở Quận 7 nên nơi có Chi nhánh Nam Sài Gòn tại Quận 7 của Ngân hàng được xác định là nơi thực hiện hợp đồng. Do đó, Tòa án nhân dân Quận 7 có thẩm quyền giải quyết vụ án theo Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm g Khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại Khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Đối với bị đơn ông Nguyễn Bảo A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.4] Căn cứ Khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án chỉ xem xét giải quyết khi đương sự có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu

[2] Về chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh: Tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên

đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi và không phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì, vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi. Căn cứ Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì ông Nguyễn Bảo A đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa tham gia tố tụng, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ việc trên theo những chứng cứ có trong hồ sơ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của đương sự:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn ngay một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật số tiền nợ thẻ tín dụng theo Giấy yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế được Ngân hàng phê duyệt ngày 24/8/2014 là 946.485.720 đồng, trong đó:

- Số tiền nợ gốc là 46.375.845 đồng;
- Số tiền nợ lãi là 53.252.177 đồng;
- Số tiền phí vượt hạn mức là 223.578.478 đồng;
- Số tiền phí chậm thanh toán là 623.279.220 đồng.

Ngoài ra kể từ ngày 26/7/2023, bị đơn còn phải chịu tiền lãi, phí phát sinh cho đến khi trả hết nợ gốc theo lãi suất, phí quy định tại giấy yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế được Ngân hàng phê duyệt ngày 24/8/2014, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng TMCP N và biểu phí dịch vụ và lãi suất thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Căn cứ Giấy yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế được Ngân hàng phê duyệt ngày 24/8/2014, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng TMCP N và biểu phí dịch vụ và lãi suất thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng có đủ cơ sở xác định Ngân hàng Thương mại Cổ phần N có cho ông Nguyễn Bảo A mở thẻ tín dụng, hạn mức thẻ là 49.000.000 đồng. Ông Nguyễn Bảo A đã sử dụng thẻ để thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 151.841.625 đồng, trong quá trình sử dụng thẻ, ông Nguyễn Bảo A thanh toán cho ngân hàng số tiền 105.465.780 đồng.

[3.2] Do ông Nguyễn Bảo A vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 4 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng TMCP N, ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn là phù hợp với quy định của pháp luật và thỏa thuận

của hai bên. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn phải trả tổng số tiền là 946.485.720 đồng, trong đó: số tiền nợ gốc là 46.375.845 đồng; số tiền nợ lãi là 53.252.177 đồng; số tiền phí vượt hạn mức là 223.578.478 đồng; số tiền phí chậm thanh toán là 623.279.220 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 26/7/2023 cho đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi và phí do các bên đã thỏa thuận trong Giấy yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế được Ngân hàng phê duyệt ngày 24/8/2014, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng TMCP N và biểu phí dịch vụ và lãi suất thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Về thời hạn trả nợ: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn nợ một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên với yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã đóng theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm g Khoản 1 Điều 40; Khoản 4 Điều 68; Khoản 4 Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 273 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 91 và Khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật phí, lệ phí và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung 2014;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N.

1.1. Buộc ông Nguyễn Bảo A phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N tổng số tiền nợ thẻ tín dụng tính đến ngày 25/7/2023 theo Giấy yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế được Ngân hàng phê duyệt ngày 24/8/2014 là 946.485.720 (Chín trăm bốn mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi lăm ngàn bảy trăm hai mươi) đồng, trong đó: số tiền nợ gốc là 46.375.845 (Bốn mươi sáu triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn tám trăm bốn mươi lăm) đồng; số tiền nợ lãi là 53.252.177 (Năm mươi ba triệu hai trăm năm mươi hai ngàn một trăm bảy mươi bảy) đồng; số tiền phí vượt hạn mức là 223.578.478 (Hai trăm hai mươi ba triệu năm trăm bảy mươi tám ngàn bốn trăm bảy mươi tám) đồng; số tiền phí chậm thanh toán là 623.279.220 (Sáu trăm hai mươi ba triệu hai trăm bảy mươi chín ngàn hai trăm hai mươi) đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành.

1.2 Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Bảo A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phí của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi và phí mà các bên thỏa thuận trong Giấy yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế được Ngân hàng phê duyệt ngày 24/8/2014, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng TMCP N và biểu phí dịch vụ và lãi suất thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng cho đến khi thi hành án xong nợ gốc.

1.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Bảo A phải chịu là 40.394.572 (Bốn mươi triệu ba trăm chín mươi bốn ngàn năm trăm bảy mươi hai) đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N số tiền tạm ứng án phí đã đóng là 12.978.290 (Mười hai triệu chín trăm bảy mươi tám ngàn hai trăm chín mươi) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0015084 ngày 17/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Quyền yêu cầu thi hành án, thời hiệu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Án xử công khai, tuyên án vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND Tp HCM;
- VKSND Q7;
- Chi cục THADS Q7;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ (Dung).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Luyện